Chi tiết mã HS 7108.11.00

Mã HS	7108.11.00
Mô tả hàng hóa	Vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm, hoặc ở dạng bột / - Không phải dạng tiền tệ: / - - Dạng bột
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 19:12:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/71081100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10693
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10693
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10693
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	2	2%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10693
Thuế XK ưu đãi CPTPP	2	2%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM10693
Thuế XK ưu đãi EVFTA	2	2%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP10693
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	2	2%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS10693

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10145
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10096
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10096
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10096
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10096
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10096
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10096
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10148
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10148

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10148
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10148
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10148
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10148
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10149
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10149
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10149
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10149
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10149
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10149
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10150
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10102
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10108
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10108
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10108
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10108
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10108
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10108
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10133
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10133
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10133
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10133
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10133
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10133
VCFTA	2022	2022	1	VC!D10186
VCFTA	2023	2023	1	VC!E10186

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10186
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10186
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10186
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10186
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10171
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10171
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10171
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10171
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10171
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10171
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D930
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E930
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10171
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10171
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10171
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10171
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10171
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10171
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10188
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10188
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10188
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10188
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10188
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10188
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10187
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10187

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10187
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10187
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10187
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10187
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10128
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10128
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10128
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10128
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10128
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10128
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10128
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10165
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10165
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10165
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10165
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10165
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10165
RCEP B	2022	2022	0	B!D10165
RCEP B	2023	2023	0	B!E10165
RCEP B	2024	2024	0	B!F10165
RCEP B	2025	2025	0	B!G10165
RCEP B	2026	2026	0	B!H10165
RCEP B	2027	2027	0	B!I10165
RCEP C	2022	2022	0	C!D10165
RCEP C	2023	2023	0	C!E10165
RCEP C	2024	2024	0	C!F10165

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2025	2025	0	C!G10165
RCEP C	2026	2026	0	C!H10165
RCEP C	2027	2027	0	C!I10165
RCEP D	2022	2022	0	D!D10164
RCEP D	2023	2023	0	D!E10164
RCEP D	2024	2024	0	D!F10164
RCEP D	2025	2025	0	D!G10164
RCEP D	2026	2026	0	D!H10164
RCEP D	2027	2027	0	D!I10164
RCEP E	2022	2022	0	E!D10168
RCEP E	2023	2023	0	E!E10168
RCEP E	2024	2024	0	E!F10168
RCEP E	2025	2025	0	E!G10168
RCEP E	2026	2026	0	E!H10168
RCEP E	2027	2027	0	E!I10168
RCEP F	2022	2022	0	F!D10165
RCEP F	2023	2023	0	F!E10165
RCEP F	2024	2024	0	F!F10165
RCEP F	2025	2025	0	F!G10165
RCEP F	2026	2026	0	F!H10165
RCEP F	2027	2027	0	F!I10165
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9399
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9399
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9399
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9399

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Kim loại quý và dịch vụ sản xuất kim loại quý > Kim loại quý. (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7108.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7108.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10693), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.